TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ
PHÒNG CÔNG TÁC SINH VIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 211 /CTSV
V/v rà soát thông tin sinh viên hết thời gian cho phép tạm nghỉ học

Cần Thơ, ngày 8 tháng 8 năm 2019

Kính gửi: Thủ trưởng các đơn vị trong Trường

Căn cứ Quy định về Công tác tác học vụ dành cho sinh viên trình độ đại học hệ chính quy, ban hành kèm theo Quyết định số 2748/QĐ-ĐHCT, ngày 12/07/2019 của Hiệu trưởng;

Phòng Công tác Sinh viên đã tiến hành đối chiếu các thông tin có liên quan đến sinh viên được tạm dừng học, kết quả cho thấy còn rất nhiều trường hợp sinh viên đã hết thời gian tạm dừng học mà vẫn chưa trở lại Trường tiếp tục việc học:

(Danh sách kèm theo).

Đề nghị Quý Thủ trưởng đơn vị giúp thông tin đến Cố vấn học tập rà soát các thông tin có liên quan đến sinh viên báo cáo về Trường (qua Phòng Công tác Sinh viên) trước ngày 23/8/2019. Sau thời gian trên, Phòng sẽ trình Ban Giám hiệu quyết định xóa tên những sinh viên nghỉ quá thời gian cho phép ra khỏi danh sách sinh viên của Trường theo quy định.

Rất mong nhận được sự hợp tác của Quý Thủ trưởng các đơn vị.

Trân trọng kính chào./.

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thanh Tường

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: CTSV.

DANH SÁCH SINH VIÊN TẠM DỪNG HỌC

(Kèm theo Công văn số 211 /CTSV, ngày 8 /8/2019)

STT	Mã số SV	Họ và tên	Lớp	Ngành học	Khóa	Đơn vị	Ghi chú
1	B1209542	Đỗ Văn Nội	CA12X5A2	Phát triển nông thôn	38	CA	

Tổng số theo danh sách có **01** sinh viên./.

PHÒNG CÔNG TÁC SINH VIÊN

DANH SÁCH SINH VIÊN TẠM DỪNG HỌC

(Kèm theo Công văn số 211 /CTSV, ngày 8 /8/2019)

STT	Mã số SV	Họ và tên	Lớp	Ngành học	Khóa	Đơn vị	Ghi chú
1	A1300004	Nguyễn Thành Chung	CP13Y0C1	Công nghệ đa phương tiện	39	CP	Cao đẳng

Tổng số theo danh sách có **01** sinh viên./.

PHÒNG CÔNG TÁC SINH VIÊN

DANH SÁCH SINH VIÊN TẠM DỪNG HỌC

(Kèm theo Công văn số 211 /CTSV, ngày 8 /8/2019)

STT	Mã số SV	Họ và tên	Lớp	Ngành học	Khóa	Đơn vị	Ghi chú
1	B1203183	Trịnh Ngọc Kim Xuyến	DA12Y3A1	Vi sinh vật học	38	DA	
2	B1303678	Nguyễn Thị Kim Loan	DA1366A1	Công nghệ sinh học	39	DA	
3	B1303737	Nguyễn Thị Tím	DA1366A1	Công nghệ sinh học	39	DA	
4	B1505668	Nguyễn Hứa Thanh Như Ngọc	DA15Y3A1	Vi sinh vật học	41	DA	
5	B1703412	Trịnh Hà Phương Uyên	DA1766A2	Công nghệ sinh học	43	DA	

Tổng số theo danh sách có **05** sinh viên./.

PHÒNG CÔNG TÁC SINH VIÊN

DANH SÁCH SINH VIÊN TẠM DỪNG HỌC

(Kèm theo Công văn số 211 /CTSV, ngày 8 /8/2019)

STT	Mã số SV	Họ và tên	Lớp	Ngành học	Khóa	Đơn vị	Ghi chú
1	1101695	Lê Hoàng Tiên	DI1096A3	Kỹ thuật phần mềm	36	DI	
2	1111236	Nguyễn Đăng Kha	DI1195A1	Hệ thống thông tin	37	DI	
3	1111302	Đào Nguyễn Minh Anh Khoa	DI1196A2	Kỹ thuật phần mềm	37	DI	
4	B1304861	Nguyễn Đức Nhật Minh	DI13V7A1	Công nghệ thông tin	39	DI	
5	B1400505	Trần Lê Hà My	DI14Z6A2	Khoa học máy tính	40	DI	
6	B1400513	Nguyễn Tấn Phát	DI14Z6A2	Khoa học máy tính	40	DI	
7	B1609609	Hứa Trần Phú Thịnh	DI16Y9A2	Truyền thông và mạng máy tính	42	DI	
8	B1709365	Bùi Quốc Thái	DI17Y9A2	Truyền thông và mạng máy tính	43	DI	
9	B1710410	Nguyễn Xuân Tiên	DI17V7F2	Công nghệ thông tin	43	DI	
10	C1200486	Nguyễn Việt Phin	DI1295L2	Hệ thống thông tin	38	DI	Liên thông CĐ lên ĐH

Tổng số theo danh sách có **10** sinh viên./.

PHÒNG CÔNG TÁC SINH VIÊN

DANH SÁCH SINH VIÊN TẠM DỪNG HỌC

(Kèm theo Công văn số 211 /CTSV, ngày 8 /8/2019)

STT	Mã số SV	Họ và tên	Lớp	Ngành học	Khóa	Đơn vị	Ghi chú
1	4115587	Trương Đỗ Bạch Liên	XH11Z8A9	Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh	37	FL	Chương trình thứ 2
2	7116684	Đỗ Kim Khánh	XH11V1A1	Ngôn ngữ Anh	37	FL	
3	7116728	La Thanh Tươi	XH11V1A3	Ngôn ngữ Anh	37	FL	
4	7116760	Võ Thị Tuyết Luôn	XH11V1A2	Ngôn ngữ Anh	37	FL	
5	7118468	Dương Hoàng Bích Duyên	NN11X2A1	Sư phạm Tiếng Pháp	37	FL	
6	7118487	Trần Phi Thoa	XH11V1A9	Ngôn ngữ Anh	37	FL	Chương trình thứ 2
7	7118533	Nguyễn Thị Thùy Dung	XH11Z9A1	Ngôn ngữ Pháp	37	FL	
8	7118550	Phan Thị Thắm	XH11Z9A1	Ngôn ngữ Pháp	37	FL	
9	B1200997	Châu Thị Kim Ngọc	NN12X1A1	Sư phạm Tiếng Anh	38	FL	
10	B1201807	Đỗ Huyền Châm	NN12X1A9	Sư phạm Tiếng Anh	38	FL	Chương trình thứ 2
11	B1208287	Lâm Nguyễn Bích Ngọc	NN12X2A1	Sư phạm Tiếng Pháp	38	FL	
12	B1208381	Hồ Nhất Thịnh	NN12Z9A1	Ngôn ngữ Pháp	38	FL	
13	B1301262	Trần Lê Ngọc Mỹ	SP13X1A1	Sư phạm Tiếng Anh	39	FL	
14	B1301373	Huỳnh Hồng Ngọc	SP13X2A1	Sư phạm Tiếng Pháp	39	FL	
15	B1301636	Nguyễn Thị Hồng Biết	XH13V1A2	Ngôn ngữ Anh	39	FL	
16	B1301640	Lương Hiệp Định	XH13V1A3	Ngôn ngữ Anh	39	FL	
17	B1301954	Bùi Trần Bảo Châu	XH13V1A9	Ngôn ngữ Anh	39	FL	Chương trình thứ 2
18	B1310179	Nguyễn Tuyết Giao	XH13Z9A1	Ngôn ngữ Pháp	39	FL	
19	B1606169	Trần Khải Nguyên	FL16Z8A1	Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh	42	FL	
20	B1609881	Phan Thị Trúc Phương	FL16Z9A1	Ngôn ngữ Pháp	42	FL	
21	B1609928	Lê Ngọc Hiếu Thảo	FL16Z9A1	Ngôn ngữ Pháp	42	FL	
22	B1709670	Nguyễn Trương Đan Quế	FL17Z9A1	Ngôn ngữ Pháp	43	FL	
23	C1500237	Cao Thị Mộng Trinh	FL15V1A3	Ngôn ngữ Anh	41	FL	Liên thông CĐ lên ĐH
24	S1200458	Tạ Thị Kiều Liên	NN12V1B1	Ngôn ngữ Anh	38	FL	Bằng ĐH thứ 2
25	S1200479	Nguyễn Văn Thuận	NN12V1B1	Ngôn ngữ Anh	38	FL	Bằng ĐH thứ 2
26	S1200481	Nguyễn Mộng Thùy	NN12V1B1	Ngôn ngữ Anh	38	FL	Bằng ĐH thứ 2

STT	Mã số SV	Họ và tên	Lớp	Ngành học	Khóa	Đơn vị	Ghi chú
27	S1200492	Nguyễn Thị Loan Anh	NN12V1B2	Ngôn ngữ Anh	38	FL	Bằng ĐH thứ 2
28	S1200522	Nguyễn Thị Hồng Như	NN12V1B2	Ngôn ngữ Anh	38	FL	Bằng ĐH thứ 2
29	S1200526	Trần Kim Sơn	NN12V1B2	Ngôn ngữ Anh	38	FL	Bằng ĐH thứ 2
30	S1200530	Huỳnh Quốc Thịnh	NN12V1B2	Ngôn ngữ Anh	38	FL	Bằng ĐH thứ 2
31	S1200543	Thái Ngọc Vũ	NN12V1B2	Ngôn ngữ Anh	38	FL	Bằng ĐH thứ 2
32	S1300162	Phạm Huỳnh Thúy An	XH13V1B1	Ngôn ngữ Anh	39	FL	Bằng ĐH thứ 2
33	S1300192	Trần Tấn Phát	XH13V1B1	Ngôn ngữ Anh	39	FL	Bằng ĐH thứ 2
34	S1300197	Nguyễn Thị Diễm Phương	XH13V1B1	Ngôn ngữ Anh	39	FL	Bằng ĐH thứ 2
35	S1300207	Liêu Kim Thúy	XH13V1B1	Ngôn ngữ Anh	39	FL	Bằng ĐH thứ 2
36	S1300211	Lê Thị Phương Trang	XH13V1B1	Ngôn ngữ Anh	39	FL	Bằng ĐH thứ 2
37	S1300212	Nguyễn Diễm Trang	XH13V1B1	Ngôn ngữ Anh	39	FL	Bằng ĐH thứ 2
38	S1300225	Lê Tường Vy	XH13V1B1	Ngôn ngữ Anh	39	FL	Bằng ĐH thứ 2
39	S1300229	Nguyễn Hữu Thanh	XH13Z8A1	Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh	39	FL	Bằng ĐH thứ 2
40	S1500050	Thân Thị Kim Nga	FL15Z8A1	Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh	41	FL	Bằng ĐH thứ 2

Tổng số theo danh sách có **40** sinh viên./.

PHÒNG CÔNG TÁC SINH VIÊN

DANH SÁCH SINH VIÊN TẠM DỪNG HỌC

(Kèm theo Công văn số 911 /CTSV, ngày 8 /8/2019)

STT	Mã số SV	Họ và tên	Lớp	Ngành học	Khóa	Đơn vị	Ghi chú
1	4117191	Nguyễn Thị Ngọc Như	HG1121A1	Tài chính - Ngân hàng	37	HG	
2	4117260	Phạm Kim Ngân	HG11W4A1	Kinh doanh quốc tế	37	HG	
3	B1207540	Nguyễn Thị Lan Anh	HG12V1A1	Ngôn ngữ Anh	38	HG	
4	B1207624	Trần Hữu Văn	HG1222A2	Quản trị kinh doanh	38	HG	
5	B1207740	Lê Thị Bích Thanh	HG1263A3	Luật hành chính	38	HG	
6	B1209961	Đỗ Văn Thuận	HG1222A2	Quản trị kinh doanh	38	HG	
7	B1209999	Sơn Linh Đa	HG12Y1A1	Tin học Ứng dụng	38	HG	
8	B1309828	Trần Thị Bích Tuyền	HG13V1A1	Ngôn ngữ Anh	39	HG	
9	B1309976	Thạch Thị Thanh Thuận	HG13V3A1	Khuyến nông	39	HG	
10	B1410369	Nguyễn Ngọc Linh Chi	HG1422A2	Quản trị kinh doanh	40	HG	
11	B1510749	Lê Thị Ngọc Thảo	HG15V1A1	Ngôn ngữ Anh	41	HG	
12	B1606074	Trần Thị Mỹ Phương	HG16U7A1	Kinh doanh nông nghiệp	42	HG	

Tổng số theo danh sách có **12** sinh viên./.

PHÒNG CÔNG TÁC SINH VIÊN

DANH SÁCH SINH VIÊN TẠM DỪNG HỌC

(Kèm theo Công văn số 211 /CTSV, ngày 8 /8/2019)

STT	Mã số SV	Họ và tên	Lớp	Ngành học	Khóa	Đơn vị	Ghi chú
1	B1203566	Võ Trọng Hữu	KH12Y2A2	Hóa dược	38	KH	
2	B1208572	Nguyễn Khánh Quyên	KH1289A1	Toán ứng dụng	38	KH	
3	B1303509	Trương Đình Nhậm	KH1394A1	Sinh học	39	KH	
4	B1304055	Trần Quốc Lâm	KH13Y2A2	Hóa dược	39	KH	
5	B1605494	Trần Ngọc Dô	KH16U1A1	Vật lý kỹ thuật	42	KH	

Tổng số theo danh sách có **05** sinh viên./.

PHÒNG CÔNG TÁC SINH VIÊN

DANH SÁCH SINH VIÊN TẠM DỪNG HỌC

(Kèm theo Công văn số 211 /CTSV, ngày 8 /8/2019)

STT	Mã số SV	Họ và tên	Lớp	Ngành học	Khóa	Đơn vị	Ghi chú
1	1117860	Phạm Thị Hương Trang	KT11W2A9	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	37	KT	Chương trình thứ 2
2	3113650	Hứa Thị Kim Ngân	KT1144A9	Tài chính doanh nghiệp	37	KT	Chương trình thứ 2
3	4114294	Quách San San	KT1121A1	Tài chính - Ngân hàng	37	KT	
4	4114387	Lê Thúy Huyền	KT1121A2	Tài chính - Ngân hàng	37	KT	
5	4114475	Huỳnh Thanh Truyền	KT1121A1	Tài chính - Ngân hàng	37	KT	
6	4114629	Nguyễn Phi Long	KT1123A1	Kinh tế nông nghiệp	37	KT	
7	4114796	Phạm Thị Anh Thư	KT11W4A1	Kinh doanh quốc tế	37	KT	
8	4115262	Lê Thị Thuỳ Trang	KT1190A2	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	37	KT	
9	7116666	Nguyễn Thanh Bình	KT11W4A9	Kinh doanh quốc tế	37	KT	Chương trình thứ 2
10	7118495	Nguyễn Thị Diệu	KT1120A9	Kế toán	37	KT	Chương trình thứ 2
11	B110202	Nguyễn Hữu Phước	KT1122B1	Quản trị kinh doanh	37	KT	Bằng ĐH thứ 2
12	B110207	Phan Hữu Thành	KT1122B1	Quản trị kinh doanh	37	KT	Bằng ĐH thứ 2
13	B110270	Hứa Thị Kim Tuyền	KT1121B1	Tài chính - Ngân hàng	37	KT	Bằng ĐH thứ 2
14	B1201216	Văn Thái Việt	KT12W4A9	Kinh doanh quốc tế	38	KT	Chương trình thứ 2
15	B1202101	Trần Thị Diễm Thi	KT12W4A2	Kinh doanh quốc tế	38	KT	
16	B1202117	Nguyễn Đình Nhật Vy	KT12W4A2	Kinh doanh quốc tế	38	KT	
17	B1202463	Phạm Thanh Tân	KT1221A2	Tài chính - Ngân hàng	38	KT	
18	B1202730	Lê Thị Diễm Thúy	KT12V5A1	Kiểm toán	38	KT	
19	B1206324	Hồng Hoa Đăng	KT1220A9	Kế toán	38	KT	Chương trình thứ 2
20	B1208279	Võ Phạm Đình Lĩnh	KT1245A9	Marketing	38	KT	Chương trình thứ 2
21	B1300978	Hồ Phương Thoại	KT1345A9	Marketing	39	KT	Chương trình thứ 2
22	B1302340	Trương Thị Kiều Oanh	KT1345A1	Marketing	39	KT	
23	B1302494	Mai Phương Quỳnh	KT13W4A2	Kinh doanh quốc tế	39	KT	
24	B1302504	Tăng Trần Hoài Thương	KT13W4A2	Kinh doanh quốc tế	39	KT	
25	B1302763	Thái Lương Hồng Ngân	KT1321A2	Tài chính - Ngân hàng	39	KT	

STT	Mã số SV	Họ và tên	Lớp	Ngành học	Khóa	Đơn vị	Ghi chú
26	B1309411	Nguyễn Huỳnh Sơn	KT1320A9	Kế toán	39	KT	Chương trình thứ 2
27	B1502001	Nguyễn Quốc Anh	KT1520A2	Kế toán	41	KT	
28	B1506870	Huỳnh Ngọc Thúy	KT15V5A1	Kiểm toán	41	KT	
29	B1507968	Nguyễn Thị Ngọc Nhi	KT15W4A2	Kinh doanh quốc tế	41	KT	
30	B1601382	Trần Thị Út	KT1620A2	Kế toán	42	KT	
31	B1601670	Trần Ngân Huệ	KT1622A2	Quản trị kinh doanh	42	KT	
32	C1600043	Hồ Mỹ Thảo	KT1620L1	Kế toán	42	KT	Liên thông CĐ lên ĐH
33	LT11334	Nguyễn Thị Hồng Nhung	KT1120L2	Kế toán	37	KT	Liên thông CĐ lên ĐH
34	S1200375	Nguyễn Xuân Nhi	KT1222A2	Quản trị kinh doanh	38	KT	Bằng ĐH thứ 2
35	S1200379	Đỗ Thị Anh Thư	KT1222A2	Quản trị kinh doanh	38	KT	Bằng ĐH thứ 2
36	S1200408	Lâm Văn Tính	KT1221B1	Tài chính - Ngân hàng	38	KT	Bằng ĐH thứ 2

Tổng số theo danh sách có **36** sinh viên./.

PHÒNG CÔNG TÁC SINH VIÊN

DANH SÁCH SINH VIÊN TẠM DỪNG HỌC

(Kèm theo Công văn số 211 /CTSV, ngày 8 /8/2019)

STT	Mã số SV	Họ và tên	Lớp	Ngành học	Khóa	Đơn vị	Ghi chú
1	B110170	Huỳnh Thị Kim Thảo	LK1164A1	Luật thương mại	37	LK	Bằng ĐH thứ 2
2	B1208322	Huỳnh Minh Vi	LK1264A9	Luật thương mại	38	LK	Chương trình thứ 2
3	B1303405	Phạm Đức Minh	LK1365A1	Luật tư pháp	39	LK	
4	B1309427	Đinh Cao Trí	LK1363A9	Luật hành chính	39	LK	Chương trình thứ 2
5	B1500321	Nguyễn Thị Thu Thảo	LK1565A2	Luật tư pháp	41	LK	
6	B1503015	Lê Thị Cẩm Thu	LK1563A2	Luật hành chính	41	LK	
7	B1602410	Ngô Thị Ngọc Trân	LK1664A1	Luật thương mại	42	LK	
8	B1702176	Trần Văn Tâm	LK1765A1	Luật tư pháp	43	LK	
9	S1200301	Nguyễn Văn Cảnh	LK1263B2	Luật hành chính	38	LK	Bằng ĐH thứ 2
10	S1200334	Mau Sô Phi	LK1263B2	Luật hành chính	38	LK	Bằng ĐH thứ 2
11	S1200354	Đỗ Hiếu Trung	LK1263B2	Luật hành chính	38	LK	Bằng ĐH thứ 2
12	S1300155	Lê Thị Mỹ Dung	LK1365A2	Luật tư pháp	39	LK	Bằng ĐH thứ 2

Tổng số theo danh sách có **12** sinh viên./.

PHÒNG CÔNG TÁC SINH VIÊN

DANH SÁCH SINH VIÊN TẠM DỪNG HỌC

(Kèm theo Công văn số 2211 /CTSV, ngày 8 /8/2019)

STT	Mã số SV	Họ và tên	Lớp	Ngành học	Khóa	Đơn vị	Ghi chú
1	B1507524	Lý Thị Huỳnh Đy	ML15V9A2	Chính trị học	41	ML	

Tổng số theo danh sách có **01** sinh viên./.

PHÒNG CÔNG TÁC SINH VIÊN

DANH SÁCH SINH VIÊN TẠM DỪNG HỌC

(Kèm theo Công văn số 211 /CTSV, ngày 9 /8/2019)

STT	Mã số SV	Họ và tên	Lớp	Ngành học	Khóa	Đơn vị	Ghi chú
1	B1404121	Võ Thị Tú Trinh	MT1438A2	Khoa học môi trường	40	MT	
2	B1605551	Tống Thị Mộng Cầm	MT16U2A1	Kỹ thuật tài nguyên nước	42	MT	
3	C1200954	Dương Thái Như	TT1225L1	Quản lý đất đai	38	MT	Liên thông CĐ lên ĐH

Tổng số theo danh sách có **03** sinh viên./.

PHÒNG CÔNG TÁC SINH VIÊN

DANH SÁCH SINH VIÊN TẠM DỪNG HỌC

(Kèm theo Công văn số 211 /CTSV, ngày 8 /8/2019)

STT	Mã số SV	Họ và tên	Lớp	Ngành học	Khóa	Đơn vị	Ghi chú
1	2111652	Nguyễn Tùng Phúc Thịnh	CB1108A1	Công nghệ thực phẩm	37	NN	
2	3112668	Nguyễn Phước Lâm	CN1167A1	Thú y	37	NN	
3	3112688	Dương Minh Nhật	CN11Y4A1	Dược thú y	37	NN	
4	3113115	Phạm Văn Trọng	TT11Z1A1	Công nghệ giống cây trồng	37	NN	
5	3113668	Lê Nguyệt Thanh	TT1172A1	Khoa học đất	37	NN	
6	3118150	Nguyễn Trung Kiên	CN1112A2	Chăn nuôi - Thú y	37	NN	
7	B1205151	Nguyễn Hoàng Đạt	CB1208A1	Công nghệ thực phẩm	38	NN	
8	B1307606	Nguyễn Hoàng Khương	NN13X8A3	Khoa học cây trồng	39	NN	
9	B1310923	Phạm Thảo Duy	NN13X9A1	Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan	39	NN	
10	B1504513	Phạm Khương Duy	NN1567A1	Thú y	41	NN	
11	B1509064	Võ Mỹ Ngọc	NN15X8A2	Khoa học cây trồng	41	NN	
12	B1609012	Nguyễn Phúc Anh	NN16X9A1	Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan	42	NN	
13	B1708777	Lê Trần Thiên Nhi	NN17X8A3	Khoa học cây trồng	43	NN	

Tổng số theo danh sách có **13** sinh viên./.

PHÒNG CÔNG TÁC SINH VIÊN

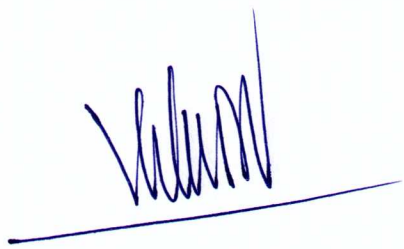

DANH SÁCH SINH VIÊN TẠM DỪNG HỌC

(Kèm theo Công văn số 211 /CTSV, ngày 8 /8/2019)

STT	Mã số SV	Họ và tên	Lớp	Ngành học	Khóa	Đơn vị	Ghi chú
1	1090696	Võ Huỳnh Quân	TC0962A3	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	35	TN	
2	1100639	Trầm Thành Luân	TC1062A2	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	36	TN	
3	1100780	Nguyễn Văn Giàu	TC1086A2	Xây dựng cầu đường	36	TN	
4	1101014	Trần Tấn Lộc	TC1071A2	Kỹ thuật điện tử, viễn thông	36	TN	
5	1101098	Bành Tấn Đạt	TC1071A2	Kỹ thuật điện tử, viễn thông	36	TN	
6	1101285	Phan Minh Đạo	TC1061A3	Kỹ thuật điện	36	TN	
7	1107690	Võ Văn Lượm	CK1085A1	Cơ khí chế biến	36	TN	
8	1110775	Hà Phương Trúc	TC1186A2	Xây dựng cầu đường	37	TN	
9	2112175	Nguyễn Kim Oanh	TC11Y7A1	Công nghệ kỹ thuật hóa học	37	TN	
10	B110335	Trần Thị Ý Nhi	TC11Y7A1	Công nghệ kỹ thuật hóa học	37	TN	Bằng ĐH thứ 2
11	B1204606	Lê Nguyễn Quốc Việt	CK1284A2	Cơ khí chế tạo máy	38	TN	
12	B1204619	Lê Văn Điền	CK1285A1	Cơ khí chế biến	38	TN	
13	B1204647	Đặng Ngọc Sơn	CK1293A2	Cơ khí giao thông	38	TN	
14	B1204849	Danh Phụng	TC1261A1	Kỹ thuật điện	38	TN	
15	B1204952	Phan Thanh Qui	TC12Y5A2	Kỹ thuật điện tử, truyền thông	38	TN	
16	B1205549	Vương Thành Phát	TC1286A2	Xây dựng cầu đường	38	TN	
17	B1205575	Phan Quốc Toàn	TC1262A2	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	38	TN	
18	B1209131	Nguyễn Bá Tập	TC12Z5A2	Kỹ thuật máy tính	38	TN	
19	B1209226	Võ Thanh Phong	TC12Y8A2	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	38	TN	
20	B1305261	Nguyễn Thanh Phú	TN1383A1	Quản lý công nghiệp	39	TN	
21	B1306693	Phạm Thị Huỳnh Hoa	TN1362A1	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	39	TN	
22	B1408077	Trương Phong Lợi	TN1493A1	Cơ khí giao thông	40	TN	
23	B1506963	Dương Thành Quang	TN15V6A1	Công nghệ kỹ thuật hóa học	41	TN	
24	B1509311	Nguyễn Nhựt Huy	TN15Y5A2	Kỹ thuật điện tử, truyền thông	41	TN	
25	B1509765	Sơn Trần Thanh	TN15Z5A1	Kỹ thuật máy tính	41	TN	
26	B1603633	Cao Quang Hào	TN1661A1	Kỹ thuật điện	42	TN	

STT	Mã số SV	Họ và tên	Lớp	Ngành học	Khóa	Đơn vị	Ghi chú
27	B1609268	Trần Minh Thanh	TN16Y6A1	Kỹ thuật cơ - điện tử	42	TN	
28	B1609399	Trương Chí Minh	TN16Y8A1	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	42	TN	
29	B1702710	Nguyễn Tiến Đạt	TN1793A2	Cơ khí giao thông	43	TN	
30	B1703182	Trần Công Minh	TN1761A2	Kỹ thuật điện	43	TN	

Tổng số theo danh sách có **30** sinh viên./.

PHÒNG CÔNG TÁC SINH VIÊN

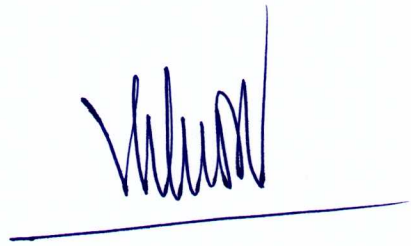

DANH SÁCH SINH VIÊN TẠM DỪNG HỌC

(Kèm theo Công văn số 911 /CTSV, ngày 8 /8/2019)

STT	Mã số SV	Họ và tên	Lớp	Ngành học	Khóa	Đơn vị	Ghi chú
1	4105810	Lê Thanh Thảo	TS1081A1	Kinh tế thủy sản	36	TS	
2	B1206827	Nguyễn Phúc Thuận	TS12W6A1	Nuôi và bảo tồn sinh vật biển	38	TS	
3	B1306558	Huỳnh Kim Điều	TS1382A2	Công nghệ chế biến thủy sản	39	TS	
4	B1308033	Néang Srây Ra	TS1381A1	Kinh tế thủy sản	39	TS	
5	B1308466	Nguyễn Khả Linh	TS1313T1	Nuôi trồng thủy sản	39	TS	
6	B1311249	Trịnh Thị Minh Thư	TS1376A1	Bệnh học thủy sản	39	TS	
7	B1501465	Nguyễn Thị Như Ý	TS1513A1	Nuôi trồng thủy sản	41	TS	
8	B1508028	Nguyễn Thị Yến Nhi	TS15W5A1	Quản lý nguồn lợi thủy sản	41	TS	
9	B1604670	Dương Hoàng Ngọc Quỳnh	TS1676A1	Bệnh học thủy sản	42	TS	
10	B1700757	Thái Thanh Nhật	TS1713A3	Nuôi trồng thủy sản	43	TS	

Tổng số theo danh sách có **10** sinh viên./.

PHÒNG CÔNG TÁC SINH VIÊN

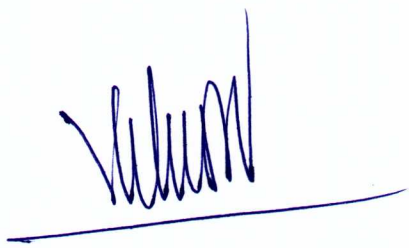

DANH SÁCH SINH VIÊN TẠM DỪNG HỌC

(Kèm theo Công văn số 211 /CTSV, ngày 8 /8/2019)

STT	Mã số SV	Họ và tên	Lớp	Ngành học	Khóa	Đơn vị	Ghi chú
1	6116130	Nguyễn Chí Linh	XH11W7A1	Văn học	37	XH	
2	B1201435	Nguyễn Tiến Hưng	NV12W7A1	Văn học	38	XH	
3	B1208459	Nguyễn Chí Thông	TV12W9A2	Thông tin học	38	XH	
4	B1301965	Trần Tùng Hà	XH13W9A1	Thông tin học	39	XH	
5	B1301984	Nguyễn Thị Nhanh	XH13W9A1	Thông tin học	39	XH	
6	B1302033	Phạm Thị Kim Xuân	XH13W9A1	Thông tin học	39	XH	
7	B1409712	Thạch Thị Thu Phụng	XH14W8A2	Hướng dẫn viên du lịch	40	XH	
8	B1508082	Phan Thị Thủy Nhân	XH15W7A1	Văn học	41	XH	

Tổng số theo danh sách có **08** sinh viên./.

PHÒNG CÔNG TÁC SINH VIÊN

DANH SÁCH SINH VIÊN TẠM DỪNG HỌC

(Kèm theo Công văn số 211 /CTSV, ngày 8 /8/2019)

STT	Mã số SV	Họ và tên	Lớp	Ngành học	Khóa	Đơn vị	Ghi chú
1	1110146	Bùi Ngọc Trầm	TL1133A1	Sư phạm Toán - Tin học	37	SP	
2	4115434	Đỗ Thị Thanh Tâm	TL1101A9	Sư phạm Toán học	37	SP	Chương trình thứ 2
3	6116369	Nguyễn Diễm Trang	SD1116A1	Sư phạm Địa lý	37	SP	
4	B1200438	Nguyễn Duy Khánh	TL1202A1	Sư phạm Vật lý	38	SP	
5	B1200512	Nguyễn Thị Kim Xuân	TL1202A2	Sư phạm Vật lý	38	SP	
6	B1200973	Văn Thị Như Yến	SD1216A1	Sư phạm Địa lý	38	SP	
7	B1209266	Trịnh Đình Văn	TL1201A9	Sư phạm Toán học	38	SP	Chương trình thứ 2
8	B1300306	Trần Công Đăng	SP1301A1	Sư phạm Toán học	39	SP	
9	B1300491	Võ Thị Cẩm Nguyên	SP1302A1	Sư phạm Vật lý	39	SP	
10	B1300676	Danh Thị Bé Ngọc	SP1302A3	Sư phạm Vật lý	39	SP	
11	B1300776	Neàng Si Ny	SP1309A1	Sư phạm Hóa học	39	SP	
12	B1301016	Nguyễn Trường Kha	SP1317A1	Sư phạm Ngữ văn	39	SP	
13	B1600983	Mai Thị Minh Nguyệt	SP1617A1	Sư phạm Ngữ văn	42	SP	

Tổng số theo danh sách có **13** sinh viên./.

PHÒNG CÔNG TÁC SINH VIÊN